

Số: 244 /QĐ-UBND

TP. Hưng Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình tiến độ giải ngân vốn đầu tư công  
ngân sách thành phố quý IV năm 2023

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 16/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND thành phố về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 14/TTr-TCKH ngày 10/01/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình tiến độ giải ngân vốn đầu tư công quý IV năm 2023 của thành phố Hưng Yên với những nội dung chủ yếu sau:

Kế hoạch giao vốn đầu tư công ngân sách thành phố: 332.151 triệu đồng;  
Thực hiện giải ngân Quý IV: 291.854 triệu đồng, đạt 87,87% kế hoạch, cụ thể:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung: Kế hoạch giao: 23.324 triệu đồng;  
Thực hiện: 13.238 triệu đồng, đạt 56,76% kế hoạch.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch giao: 308.827 triệu đồng; Thực hiện: 242.338 triệu đồng, đạt 87,47% dự toán.

3. Nguồn tăng thu, kết dư: 36.278 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết các dự án kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND- UBND có trách nhiệm công khai Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử thành phố Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- Lưu VT, CVNC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Doãn Quốc Hoàn**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
	<b>TỔNG CỘNG</b>		1.883.632.248.884	1.675.016.193.984	343.960.091.198	15.732.709.356	328.227.381.842	272.426.770.029	7.284.718.000	265.142.052.029
A	Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư		999.352.476.144	994.352.476.144	192.364.530.622	14.732.709.356	177.631.821.266	143.264.647.162	6.284.718.000	136.979.929.162
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố		883.833.562.144	878.833.562.144	164.955.832.330	14.732.709.356	150.223.122.974	118.300.248.878	6.284.718.000	112.015.530.878
I	Dự án hoàn thành		135.119.533.044	135.119.533.044	5.596.155.666	0	5.596.155.666	5.007.035.446	0	5.007.035.446
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>									
1	Cải tạo, nâng cấp đường cạnh nhà máy mút xốp và đường khu dân cư phường An Tảo (Hạng mục: Nền mặt đường + di chuyển điện + chi phí bồi thường)	Số 1074/QĐ-UBND ngày 08/5/2012	17.554.310.044	17.554.310.044	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
2	Đường Chùa Diệu giai đoạn II (đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên)	Số 2652/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	12.906.377.000	12.906.377.000	733.155.666		733.155.666	733.155.666		733.155.666
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	Số 2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.895.342.000	5.895.342.000	0		0	0		
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu	Số 3538/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9.354.136.000	9.354.136.000	1.000.000.000		1.000.000.000	583.153.680		583.153.680
5	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	Số 3541/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	6.465.474.000	6.465.474.000	400.000.000		400.000.000	378.614.000		378.614.000
	<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>									
6	Xây dựng HTKT khu dân cư mới phường Hiến Nam để đấu giá quyền sử dụng đất (Vị trí số 1 và số 2)	Số 1429/QĐ-UBND ngày 27/6/2019	9.565.923.000	9.565.923.000	200.000.000		200.000.000	172.112.100		172.112.100
7	Cải tạo vỉa hè QL38 đoạn từ cầu Chợ Đầu đến hết địa phận thành phố	Số 3659/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	29.815.012.000	29.815.012.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000		100.000.000
8	Cải tạo vỉa hè xung quanh trụ sở tỉnh ủy và UBND tỉnh Hưng Yên	Số 2398/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.694.490.000	14.694.490.000	900.000.000		900.000.000	900.000.000		900.000.000
9	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	Số 3549/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.859.671.000	6.859.671.000	123.000.000		123.000.000	0		
10	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL,38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Số 2876/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	5.870.040.000	5.870.040.000	340.000.000		340.000.000	340.000.000		340.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Số 833/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	16.138.758.000	16.138.758.000	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000
<b>Lĩnh vực giáo dục</b>										
II	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023</b>		<b>90.190.241.000</b>	<b>85.190.241.000</b>	<b>14.657.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>12.657.000.000</b>	<b>7.639.328.430</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>5.639.328.430</b>
<b>Lĩnh vực giao thông</b>										
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	Số 3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000	14.994.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	2.962.328.430		2.962.328.430
2	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	Số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000	7.781.997.000	2.500.000.000		2.500.000.000	0		
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngô Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục)	Số 2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000	12.155.567.000	2.500.000.000		2.500.000.000	0		
<b>Lĩnh vực giáo dục</b>										
4	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành; hạng mục: Nhà học đa năng	Số 2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853.241.000	1.853.241.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>										
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ Vòng xuyên Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật	Số 3661/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	18.230.000.000	18.230.000.000	1.580.000.000		1.580.000.000	600.000.000		600.000.000
6	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.980.078.000	6.980.078.000	1.177.000.000		1.177.000.000	1.177.000.000		1.177.000.000
7	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên	Số 3936/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	5.812.243.000	5.812.243.000	400.000.000		400.000.000	400.000.000		400.000.000
8	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa	Số 1728/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	17.383.115.000	17.383.115.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
III	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023</b>		<b>256.977.237.000</b>	<b>256.977.237.000</b>	<b>63.702.676.664</b>	<b>12.732.709.356</b>	<b>50.969.967.308</b>	<b>38.445.926.000</b>	<b>4.284.718.000</b>	<b>34.161.208.000</b>
<b>Lĩnh vực giao thông</b>										
1	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	Số 2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	16.798.706.000	16.798.706.000	0		0	0		

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn Từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)	Số 3664/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	24.566.000.000	24.566.000.000	3.006.000.000		3.006.000.000	1.673.458.000		1.673.458.000
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trung Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên	Số 3771/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.274.839.000	11.274.839.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Kệ Châu 2 đến đường trục xã)	Số 3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860.000.000	14.860.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
5	Cải tạo nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	Số 3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620.089.000	5.620.089.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>										
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	Số 3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.490.000.000	21.490.000.000	9.783.000.000	1.783.000.000	8.000.000.000	9.783.000.000	1.783.000.000	8.000.000.000
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	Số 3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000	29.198.000.000	13.000.000.000	3.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
8	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 1296/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	9.347.137.000	9.347.137.000	2.500.000.000		2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000
<b>Lĩnh vực giáo dục</b>										
9	Trường Mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Số 3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.276.772.000	32.276.772.000	3.000.000.000		3.000.000.000	0		0
<b>Lĩnh vực văn hóa, thể thao</b>										
10	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	Số 3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000	19.100.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	2.501.718.000	2.501.718.000	
11	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	Số 3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.847.833.000	52.847.833.000	9.913.676.664	4.949.709.356	4.963.967.308	0		0

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
12	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	Số 3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.597.861.000	19.597.861.000	8.000.000.000		8.000.000.000	5.957.750.000		5.957.750.000
<b>IV</b>	<b>Dự án mới</b>		401.546.551.100	401.546.551.100	81.000.000.000	0	81.000.000.000	67.207.959.002		67.207.959.002
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>									
1	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Tảo - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Số 3041/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	90.659.000.000	90.659.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000	17.890.959.000		17.890.959.000
	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>									
2	Xây dựng trường THCS Minh Khai, thành phố Hưng Yên	Số 2920/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000.000.000	35.000.000.000	9.500.000.000		9.500.000.000	8.500.000.000		8.500.000.000
3	Trường mầm non Lê Hồng Phong, phường Minh Khai	Số 2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.222.100.000	9.222.100.000	3.000.000.000		3.000.000.000	2.935.000.000		2.935.000.000
4	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học và THCS Hoàng Hanh	Số 2922/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.310.112.100	9.310.112.100	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
	<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>									
5	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyên Chợ Gạo đến vòng xuyên ngân hàng Công Thương)	Số 2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	36.965.257.000	36.965.257.000	8.500.000.000		8.500.000.000	7.900.000.002		7.900.000.002
6	Cải tạo vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hồ đến đường Triệu Quang Phục)	Số 2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	29.672.034.000	29.672.034.000	6.500.000.000		6.500.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000
7	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyên Đốc Suối đến vòng xuyên Chợ Gạo)	Số 2925/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	44.449.360.000	44.449.360.000	8.500.000.000		8.500.000.000	7.982.000.000		7.982.000.000
8	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	Số 2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	63.422.000.000	63.422.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000
9	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trục xã ra QL.39)	Số 2927/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	70.578.338.000	70.578.338.000	10.000.000.000		10.000.000.000	0		
	<b>Lĩnh vực văn hóa - xã hội</b>									
10	Cải tạo đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Số 2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	12.268.350.000	12.268.350.000	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000
<b>A.2</b>	<b>Hạt Giao thông thành phố</b>		28.968.374.000	28.968.374.000	2.389.327.000	0	2.389.327.000	2.389.327.000	0	2.389.327.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2023</b>		<b>28.968.374.000</b>	<b>28.968.374.000</b>	<b>2.389.327.000</b>	<b>0</b>	<b>2.389.327.000</b>	<b>2.389.327.000</b>	<b>0</b>	<b>2.389.327.000</b>
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>									
1	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phượng Hoàng đến đê bãi; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Quyền thôn Phượng Hoàng)	Số 3518/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	14.680.353.000	14.680.353.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiêu (đoạn từ dốc Vĩ đến chợ Vĩ cũ)	Số 3530/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	11.638.470.000	11.638.470.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ đường Chùa Chuông - Chu Mạnh Trinh	Số 2033/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	2.649.551.000	2.649.551.000	889.327.000		889.327.000	889.327.000		889.327.000
<b>A.3</b>	<b>Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên</b>		<b>10.566.270.000</b>	<b>10.566.270.000</b>	<b>532.114.892</b>	<b>0</b>	<b>532.114.892</b>	<b>516.672.520</b>	<b>0</b>	<b>516.672.520</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>10.566.270.000</b>	<b>10.566.270.000</b>	<b>532.114.892</b>	<b>0</b>	<b>532.114.892</b>	<b>516.672.520</b>	<b>0</b>	<b>516.672.520</b>
1	Lắp đặt đèn trồng hoa trang trí cảnh quan công viên Hồ Bán Nguyệt phục vụ các hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/02/2020) và chào mừng Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng	Số 2307/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	6.190.568.000	6.190.568.000	356.412.892		356.412.892	340.970.520		340.970.520
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế các cột đèn chiếu pha 11-30m và chiếu sáng kiến trúc trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Số 2308/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	4.375.702.000	4.375.702.000	175.702.000		175.702.000	175.702.000		175.702.000
<b>A.4</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị thành phố</b>		<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>5.482.449.000</b>	<b>0</b>	<b>5.482.449.000</b>
	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>
1	Xây dựng, lắp đặt máy tập tại các công viên khu vực trung tâm	Số 2399/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	7.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000
	<b>Dự án mới</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>1.482.449.000</b>		<b>1.482.449.000</b>
2	Xây dựng bến, bãi phục vụ cho xe chữa cháy tiếp cận lấy nước và sửa chữa một số trụ nước chữa cháy	Số 2903/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.482.449.000		1.482.449.000
<b>A.5</b>	<b>Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố</b>		<b>18.081.087.000</b>	<b>18.081.087.000</b>	<b>2.224.590.800</b>	<b>0</b>	<b>2.224.590.800</b>	<b>1.863.747.800</b>	<b>0</b>	<b>1.863.747.800</b>

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>18.081.087.000</b>	<b>18.081.087.000</b>	<b>2.224.590.800</b>	<b>0</b>	<b>2.224.590.800</b>	<b>1.863.747.800</b>	<b>0</b>	<b>1.863.747.800</b>
1	Kiên cố hóa kênh dẫn trạm bơm An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	Số 1787/QĐ-UBND, ngày 23/6/2021	2.715.601.000	2.715.601.000	99.791.000		99.791.000	99.791.000		99.791.000
2	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	Số 3389/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	10.844.946.000	10.844.946.000	1.728.866.000		1.728.866.000	1.425.887.000		1.425.887.000
3	Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ trạm bơm An Vũ đến cầu Xóm Đông	Số 2682/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	566.666.000	566.666.000	36.355.800		36.355.800	36.260.800		36.260.800
4	Kiên cố hóa tuyến kênh ông Điền - Trạm bơm Hồng Nam	Số 2087/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	3.953.874.000	3.953.874.000	359.578.000		359.578.000	301.809.000		301.809.000
<b>A.6</b>	<b>Phòng Kinh tế thành phố</b>		<b>13.516.943.000</b>	<b>13.516.943.000</b>	<b>262.665.600</b>	<b>0</b>	<b>262.665.600</b>	<b>234.960.600</b>	<b>0</b>	<b>234.960.600</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>5.048.372.000</b>	<b>5.048.372.000</b>	<b>262.665.600</b>	<b>0</b>	<b>262.665.600</b>	<b>234.960.600</b>	<b>0</b>	<b>234.960.600</b>
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Trần Hưng Đạo và triển lãm Bảo Khê	Số 673/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	5.048.372.000	5.048.372.000	262.665.600		262.665.600	234.960.600		234.960.600
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023</b>		<b>8.468.571.000</b>	<b>8.468.571.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	Số 1854/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	8.468.571.000	8.468.571.000	0		0	0		0
<b>A.7</b>	<b>Trường mầm non 19/5</b>		<b>8.668.562.000</b>	<b>8.668.562.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>
	<b>Dự án mới</b>		<b>8.668.562.000</b>	<b>8.668.562.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.668.562.000	8.668.562.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
<b>A.8</b>	<b>Cơ quan thành ủy Hưng Yên</b>		<b>20.297.678.000</b>	<b>20.297.678.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>7.522.591.800</b>		<b>7.522.591.800</b>
	<b>Dự án mới</b>		<b>20.297.678.000</b>	<b>20.297.678.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>7.522.591.800</b>		<b>7.522.591.800</b>
1	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên	Số 1737/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	13.472.963.000	13.472.963.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trụ sở)	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000	6.824.715.000	4.000.000.000		4.000.000.000	2.522.591.800		2.522.591.800
<b>A.9</b>	<b>Văn phòng HĐND-UBND thành phố</b>		<b>4.420.000.000</b>	<b>4.420.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>
	<b>Dự án mới</b>		<b>4.420.000.000</b>	<b>4.420.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>



TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
1	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và chống thấm mái nhà 4 tầng trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Số 2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
<b>A.10</b>	<b>Ban chỉ huy Quân sự thành phố</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.954.649.564</b>		<b>1.954.649.564</b>
	<b>Dự án mới</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.954.649.564</b>		<b>1.954.649.564</b>
1	Nhà đa năng Ban chỉ huy quân sự thành phố	Số 1369/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.954.649.564		1.954.649.564
<b>B</b>	<b>Kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới do UBND thành phố làm chủ đầu tư</b>				<b>73.622.013.378</b>	<b>0</b>	<b>73.622.013.378</b>	<b>68.025.692.061</b>	<b>0</b>	<b>68.025.692.061</b>
<b>B.1</b>	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>				<b>64.622.013.378</b>	<b>0</b>	<b>64.622.013.378</b>	<b>59.025.692.061</b>	<b>0</b>	<b>59.025.692.061</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>									
1	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	Số 3551/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	5.680.345.000	5.680.345.000	0			0		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		0					0		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ công tác GPMB QL 38B địa phận xã Trung Nghĩa	Số 2386/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	13.948.000.000	13.948.000.000	0			0		
1	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hồ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.389.821.000	53.389.821.000	14.000.000.000		14.000.000.000	12.960.921.042		12.960.921.042
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	2054/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	5.065.378.000	5.065.378.000	24.609.000.000		24.609.000.000	22.445.872.641		22.445.872.641
4	Xây dựng HTKT phần còn lại KDC phía nam đường Đinh Điền để phục vụ đấu giá QSDĐ	Số 796/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	10.879.841.700	10.879.841.700	0			0		
5	Xây dựng KDC mới Tỉnh Linh xã Trung Nghĩa	Số 644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	41.935.883.000	41.935.883.000	0			0		
3	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 01)	Số 3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.980.733.000	14.980.733.000	5.000.000.000		5.000.000.000	2.727.000.000		2.727.000.000
<b>III</b>	<b>Dự án mới</b>		0		0			0		

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
4	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02)	Số 610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.263.967.000	56.263.967.000	16.013.013.378		16.013.013.378	15.891.898.378		15.891.898.378
2	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	Số 497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.805.550.000	22.805.550.000	0			0		
3	Xây dựng khu dân cư mới xã Phú Cường	Số 342/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	23.410.656.000	23.410.656.000	0			0		
4	Xây dựng KDC mới phường Minh khai (Khu đất hạt 2 quốc lộ 38 (bến phà Yên Lệnh cũ))	Số 274/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	1.238.322.000	621.997.000	0			0		
5	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 01	Số 47/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	61.000.000.000	61.000.000.000	0			0		
6	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 02	Số 48/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	84.000.000.000	84.000.000.000	0			0		
7	Xây dựng KDC mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	Số 46/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	104.290.840.000	104.290.840.000	0			0		
8	Xây dựng KDC mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)	Số 45/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	87.721.262.000	87.721.262.000	0			0		
9	Xây dựng khu dân cư mới Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)		62.400.000.000	62.400.000.000	0			0		
10	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (giai đoạn 3)		127.400.000.000	127.400.000.000	0			0		
11	Khu dân cư mới phường An Tào		116.997.000.000	116.997.000.000	0			0		
5	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	Số 49/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	82.179.000.000	85.948.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
<b>B.2</b>	<b>Hạ tầng giao thông thành phố</b>		<b>90.964.286.606</b>	<b>90.964.286.606</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		0					0		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)	Số 838/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	5.888.493.535	5.888.493.535	0			0		
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		0					0		
1	Hạ tầng kỹ thuật KDC sau trường THCS Nguyễn Tất Thành	Số 2029/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	3.785.309.000	3.785.309.000	0			0		
2	HTKT khu tái định cư giáp bãi tập lái xe	Số 2400/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	8.290.484.071	8.290.484.071	0			0		
3	Khu dân cư mới phố An Bình, phường An Tảo		13.000.000.000	13.000.000.000	0			0		
4	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)		10.000.000.000	10.000.000.000	0			0		
<b>III</b>	<b>Dự án mới</b>		0					0		
1	Khu dân cư mới xã Bảo Khê		10.000.000.000	10.000.000.000	0			0		
1	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	Số 3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	43.345.627.000	43.345.627.000	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000
<b>C</b>	<b>Kinh phí bố trí cho các công trình được phê duyệt quyết toán</b>				<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>D</b>	<b>Hỗ trợ UBND các phường, xã</b>		<b>315.522.595.400</b>	<b>119.382.865.500</b>	<b>32.724.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>31.724.000.000</b>	<b>24.858.699.134</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>23.858.699.134</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>116.531.522.000</b>	<b>45.228.218.000</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Xây dựng trường THCS xã Phương Chiểu	Số 212/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	55.763.309.000	7.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000	
2	Trường THCS xã Phương Chiểu; Hạng mục: San nền, cổng và tường rào	Số 120A/QĐ-UBND ngày 23/5/2021	12.410.358.000	5.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	0		



TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
3	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hanh	Số 3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	12.228.218.000	12.228.218.000	3.000.000.000		3.000.000.000	0		
4	Hỗ trợ UBND phường Lê Lợi để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	Số 1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.746.482.000	10.000.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000
5	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng mới 4 phòng chức năng và nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học Quảng Châu	Số 680/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
6	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Xây dựng phòng tổ bộ môn, phòng học chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường tiểu học Hùng Cường	Số 423/QĐ-UBND ngày 14/11/2020	10.781.731.000	4.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
7	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình :Xây dựng rãnh thoát nước, san lấp chống sạt tường rào phía trước, sau khu trường THCS và nhà văn hóa xã Hoàng Hanh	Số 81A/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	1.030.063.000	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
8	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Tu bổ tôn tạo đình Ba Nóc	Số 413/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.689.990.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
9	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Nguyễn Huệ, phường Quang Trung	Số 2912/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	4.881.371.000	3.500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
<b>II</b>	<b>Dự án mới</b>		<b>112.970.823.400</b>	<b>47.724.647.500</b>	<b>11.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>11.400.000.000</b>	<b>9.758.699.134</b>	<b>0</b>	<b>9.758.699.134</b>
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Trường Tiểu học xã Phương Chiểu: hạng mục: Nhà lớp học chức năng và hội trường	Số 175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND xã	14.729.427.400	6.000.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
2	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiêu để xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phương Chiêu	Số 83/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND xã	6.832.143.000	2.142.000.000	700.000.000		700.000.000	700.000.000		700.000.000
3	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Hà Châu	Số 3006/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	4.500.000.000	3.150.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	903.098.134		903.098.134
4	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Đông Hồng, xã Phú Cường	Số 3000/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố	3.500.000.000	2.450.000.000	800.000.000		800.000.000	755.601.000		755.601.000
5	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000	2.870.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
6	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đông Thành - Phường Quang Trung	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000	2.100.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
7	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến đường Công binh)	Số 1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND xã Quảng Châu	47.000.000.000	14.100.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	0		
8	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ cầu Dí đến nhà bà Thuận thôn Điện Biên)	Số 211/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Hồng Nam	14.800.000.000	4.440.000.000	600.000.000		600.000.000	600.000.000		600.000.000
9	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Số 3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000	10.472.647.500	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
III	Các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới		86.020.250.000	26.430.000.000	7.824.000.000	0	7.824.000.000	6.600.000.000	0	6.600.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
1	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa xê xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tỉnh Linh)	4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000	4.080.000.000	1.224.000.000		1.224.000.000	0		
2	Hỗ trợ UBND xã Tân Hưng xê xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cả đến nhà bà Thận thôn Tiền Phong)	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	9.800.000.000	2.940.000.000	900.000.000		900.000.000	900.000.000		900.000.000
3	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam xê xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiểu đến nhà ông Trận)	4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.216.000.000	1.800.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
4	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh xê xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vê đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000	2.220.000.000	600.000.000		600.000.000	600.000.000		600.000.000
5	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường xê xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (đoạn qua thôn Kệ Châu 1 và thôn Đông Hồng)	4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500.000.000	1.650.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
6	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu xê xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cống xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến cống bến đò cạnh nhà anh Bá)	2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.920.000.000	4.476.000.000	1.300.000.000		1.300.000.000	1.300.000.000		1.300.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
7	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường xẻ xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bối Xã thôn Phượng Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	39/QĐ-UBND ngày 05/1/2022 của UBND xã Hùng Cường	6.950.000.000	2.085.000.000	600.000.000		600.000.000	600.000.000		600.000.000
8	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu xẻ xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên	4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.654.250.000	2.685.000.000	800.000.000		800.000.000	800.000.000		800.000.000
9	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.980.000.000	4.494.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000
E	<b>Từ nguồn tăng thu</b>		<b>42.452.691.000</b>	<b>35.592.691.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>9.665.802.267</b>	<b>0</b>	<b>9.665.802.267</b>
	<b>Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh thành phố</b>		<b>14.762.029.000</b>	<b>14.762.029.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>3.665.802.267</b>	<b>0</b>	<b>3.665.802.267</b>
1	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	QĐ 1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000		4.000.000.000	3.665.802.267		3.665.802.267
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>		<b>9.222.100.000</b>	<b>9.222.100.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>
2	Trường mầm non Lê Hồng Phong, phường Minh Khai	Số 2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.222.100.000	9.222.100.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
	<b>Trường mầm non 19/5</b>		<b>8.668.562.000</b>	<b>8.668.562.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>
3	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.668.562.000	8.668.562.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
	<b>UBND xã Tân Hưng</b>		<b>9.800.000.000</b>	<b>2.940.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cả đến nhà bà Thận thôn Tiên Phong)	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND TPHY	9.800.000.000	2.940.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
G	<b>Từ nguồn kết dư</b>		<b>526.304.486.340</b>	<b>525.688.161.340</b>	<b>35.249.547.198</b>	<b>0</b>	<b>35.249.547.198</b>	<b>26.611.929.405</b>	<b>0</b>	<b>26.611.929.405</b>
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>		<b>436.362.107.340</b>	<b>435.745.782.340</b>	<b>22.249.547.198</b>	<b>0</b>	<b>22.249.547.198</b>	<b>15.111.929.405</b>	<b>0</b>	<b>15.111.929.405</b>
1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi và các công trình phụ trường THCS Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên	1772/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	13.035.489.000	13.035.489.000	2.035.489.000		2.035.489.000	2.035.489.000		2.035.489.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
4	Xây dựng KDC mới phường Minh khai (Khu đất hạt 2 quốc lộ 38 (bến phà Yên Lệnh cũ))	Số 274/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	1.238.322.000	621.997.000	1.171.249.000		1.171.249.000	854.500.000		854.500.000
2	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	3010/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	5.516.611.946	5.516.611.946	617.651.946		617.651.946	614.596.946		614.596.946
3	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	189/QĐ-UBND ngày 11/01/2023	5.448.622.000	5.448.622.000	70.008.000		70.008.000	70.008.000		70.008.000
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trưng Trắc, Trưng Nhị, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên	1574/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	7.577.992.493	7.577.992.493	677.992.493		677.992.493	185.621.000		185.621.000
5	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hạng mục: Nhà lớp học	1730/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	14.855.362.000	14.855.362.000	55.362.000		55.362.000	55.362.000		55.362.000
6	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL38B) xã Trung Nghĩa, TP Hưng Yên	1564/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	5.279.909.000	5.279.909.000	328.762.000		328.762.000	328.762.000		328.762.000
7	Cải tạo, nâng cấp đường cạnh nhà máy mút xốp và đường khu dân cư phường An Tảo (Hạng mục: Giải phóng mặt bằng + di chuyển điện)	1575/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	12.805.101.348	12.805.101.348	112.936.538		112.936.538	112.936.538		112.936.538
8	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH72, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình lê Như Hồ đến ngã ba Cu Túế);	2227/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	28.486.434.000	28.486.434.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
9	Cải tạo, sửa chữa công viên hồ Bán Nguyệt	811/QĐ-UBND ngày 01/4/20219	7.106.627.000	7.106.627.000	303.276.000		303.276.000	106.875.000		106.875.000
10	Cải tạo vỉa hè Quốc lộ 38B đoạn từ cầu chợ Đâu đến hết địa phận thành phố (giai đoạn 1)	3659/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	29.815.012.000	29.815.012.000	963.778.000		963.778.000	963.778.000		963.778.000
11	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành; Hạng mục: Nhà học đa năng	2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853.241.000	6.853.241.000	688.396.000		688.396.000	688.396.000		688.396.000
12	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ cầu An Tảo đến đường Chùa Diều)	3540/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	7.025.631.000	7.025.631.000	78.069.000		78.069.000	24.379.000		24.379.000



TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
13	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy, thành phố Hưng Yên	2378/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	28.393.477.000	28.393.477.000	335.978.900		335.978.900	335.978.900		335.978.900
14	Xây dựng khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình tại xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên. HM: Chi phí GPMB	2447/QĐ-UBND ngày 26/5/2017	4.430.324.239	4.430.324.239	330.270.400		330.270.400	0		
15	Xây dựng khu TĐC phục vụ GPMB dự án xây dựng cầu Hưng Hà, xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên. HM: Chi phí GPMB	2447/QĐ-UBND ngày 26/5/2017	1.898.295.000	1.898.295.000	182.281.500		182.281.500	182.281.500		182.281.500
16	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Phương Chiểu. HM: Chi phí GPMB	2958/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	11.382.046.314	11.382.046.314	646.249.500		646.249.500	646.249.500		646.249.500
17	Cải tạo khuôn viên nhà lưu niệm Bác Hồ	3553/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	4.279.488.000	4.279.488.000	28.086.000		28.086.000	3.751.000		3.751.000
18	Trường mầm non xã Hồng Nam	3025/QĐ-UBND ngày 13/12/2016	7.800.000.000	7.800.000.000	94.166.447		94.166.447	12.410.000		12.410.000
19	KCH trường lớp học năm 2008 Trung Nghĩa (nhà 1 tầng 4 phòng mầm non, nhà 2 tầng 10 phòng học)	3604/QĐ-UBND ngày 30/9/2008	4.926.104.000	4.926.104.000	719.789.000		719.789.000	0		
20	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	3549/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.859.671.000	6.859.671.000	658.293.551		658.293.551	190.555.021		190.555.021
21	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu	3538/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9.354.136.000	9.354.136.000	394.770.680		394.770.680	0		
22	Cải tạo đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	12.268.350.000	12.268.350.000	4.700.000.000		4.700.000.000	4.700.000.000		4.700.000.000
23	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường)	2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	110.340.000.000	110.340.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	0		

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NSTP						
24	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	Số 3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.597.861.000	19.597.861.000	1.000.000.000		1.000.000.000	0		
25	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.490.000.000	21.490.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
26	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000	29.198.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000
27	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	Số 3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000	19.100.000.000	1.056.691.243		1.056.691.243	0		
	<b>UBND xã Hùng Cường</b>		<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Vắn đến ông Trường)	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022	7.500.000.000	7.500.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
	<b>Cơ quan Thành ủy Hưng Yên</b>		<b>20.297.678.000</b>	<b>20.297.678.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>
29	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên	Số 1737/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	13.472.963.000	13.472.963.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000
30	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trụ sở)	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000	6.824.715.000	1.500.000.000		1.500.000.000	0		
	<b>UBND xã Trung Nghĩa</b>		<b>62.144.701.000</b>	<b>62.144.701.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.500.000.000</b>
31	Kè đá vỉa hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Đền ngoài xóm đến nhà ông Nung	Số 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	22.294.701.000	22.294.701.000	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000
32	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa	Số 233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	39.850.000.000	39.850.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 ĐÓI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN  
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ**  
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách thành phố		Tổng số	Ngân sách thành phố		
						Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW		NSTP	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung
	<b>TỔNG CỘNG</b>					1.815.049.437.000	1.449.247.000.000	344.992.437.000	19.187.090.364	7.591.290.644	11.595.799.720	8.909.729.645	5.953.929.925	2.955.799.720
A	Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư					1.786.699.437.000	1.449.247.000.000	337.452.437.000	18.447.090.364	7.591.290.644	10.855.799.720	8.909.729.645	5.953.929.925	2.955.799.720
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					1.712.338.573.000	1.430.297.000.000	282.041.573.000	16.845.240.272	6.189.440.552	10.655.799.720	8.709.729.645	5.953.929.925	2.755.799.720
I	Dự án hoàn thành					994.693.914.000	937.785.000.000	56.908.914.000	1.028.240.272	372.440.552	655.799.720	728.240.272	372.440.552	355.799.720
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>													
1	Đường trục liên xã Hùng Cường - Phú Cường ( đoạn từ ông Cự xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	Xã Hùng Cường, Phú Cường	2.333 m	2020-2023	2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	29.000.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000	372.440.552	372.440.552		372.440.552	372.440.552	
2	Đường trục liên xã Hoàng Hanh - Hồng Nam - Tân Hưng	TPHY	4.370 m	2016-2020	1351/QĐ-UBND ngày 16/5/2017	44.939.079.000	28.312.000.000	16.627.079.000	145.000.000		145.000.000	145.000.000		145.000.000
3	Đường trục xã Hùng Cường (Đoạn từ nhà bà ông Hoàng thôn Phụng Hoàng đến nhà bà Thẩm thôn Cao Xá)	TPHY	1.840 m	2017-2020	2473/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	39.000.000.000	25.625.000.000	13.375.000.000	210.799.720		210.799.720	210.799.720		210.799.720
	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>													
4	Trường mầm non xã Hồng Nam	Xã Hồng Nam	6 p	2019-2021	3025/QĐ-UBND ngày 13/12/2016	7.800.000.000	2.500.000.000	5.300.000.000	300.000.000		300.000.000	0		
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023					278.057.659.000	185.465.000.000	92.592.659.000	9.817.000.000	5.817.000.000	4.000.000.000	5.581.489.373	5.581.489.373	
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>													
1	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục	Phường Hiến Nam	2.596 m	2016-2022	2349/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	121.878.659.000	90.000.000.000	31.878.659.000	5.098.000.000	5.098.000.000	0	4.887.500.000	4.887.500.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV		
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách thành phố		Tổng số	Ngân sách thành phố	
						Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW		NSTP	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách tập trung
2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch quần thể di tích Phố Hiến; Hạng mục: Đường giao thông và kè hồ	TPHY	5.890 m	2016-2022	2155/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	54.906.000.000	48.215.000.000	6.691.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	0	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	930 m	2017-2022	1015/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	66.273.000.000	29.750.000.000	36.523.000.000	3.719.000.000	719.000.000	3.000.000.000	693.989.373	693.989.373
<b>III</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023</b>					<b>439.587.000.000</b>	<b>307.047.000.000</b>	<b>132.540.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>2.400.000.000</b>	<b>0</b> <b>2.400.000.000</b>
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>												
1	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường, Phú Cường	2.700 m	2021-2025	Số 2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh	110.340.000.000	65.100.000.000	45.240.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
2	Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phương – Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	TPHY	2.500 m	2021-2025	Số 2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh	116.000.000.000	81.200.000.000	34.800.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
3	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Điều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	TPHY	2.850 m	2021-2025	Số 2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh	133.000.000.000	93.100.000.000	39.900.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	0	
	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>												
4	Nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	Phường Lê Lợi	411 m2		1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	14.500.000.000	10.000.000.000	4.500.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	0	
<b>A.2</b>	<b>Xí nghiệp KTCT thủy lợi TP</b>					<b>74.360.864.000</b>	<b>18.950.000.000</b>	<b>55.410.864.000</b>	<b>1.601.850.092</b>	<b>1.401.850.092</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>0</b> <b>200.000.000</b>
	<b>Dự án hoàn thành</b>					<b>74.360.864.000</b>	<b>18.950.000.000</b>	<b>55.410.864.000</b>	<b>1.601.850.092</b>	<b>1.401.850.092</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>0</b> <b>200.000.000</b>
	<b>Lĩnh vực khác</b>												
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo	TPHY	Cống ngầm, đường, cây xanh	2011-2018	2062/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	72.060.864.000	18.000.000.000	54.060.864.000	1.401.850.092	1.401.850.092		0	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch năm 2023			Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách thành phố		Tổng số	Ngân sách thành phố		
						Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW		NSTP	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
2	Tu sửa, cải tạo nâng cấp và xây dựng tuyến kênh dẫn kết nối trạm bơm Cửa Gân - trạm bơm An Vũ	TPHY	55 m	2020-2021	Số 3388/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	2.300.000.000	950.000.000	1.350.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000		200.000.000
<b>B</b>	<b>Đối ứng các công trình công trình do Ban QLDA Sở NN&amp;PTNT tính làm chủ đầu tư</b>					28.350.000.000	0	7.540.000.000	740.000.000	0	740.000.000	0	0	0
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2021					28.350.000.000	0	7.540.000.000	740.000.000	0	740.000.000	0	0	0
	Lĩnh vực khác													
1	Bờ bao kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	TPHY	2200 m	2020-2021	1882/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	28.350.000.000		7.540.000.000	740.000.000		740.000.000	0		

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**  
**CÁC NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH; BỔ SUNG VỐN NHẬN ỦY THÁC CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**  
**VÀ BỔ SUNG VỐN CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH**

(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện Quý IV		
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất
						Tổng số	NSTP				
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>14.253.684.000</b>	<b>14.253.684.000</b>	<b>10.517.474.000</b>	<b>10.517.474.000</b>
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ lập quy hoạch</b>					<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>10.953.684.000</b>	<b>7.217.474.000</b>	<b>7.217.474.000</b>
<b>I</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị thành phố</b>					<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>	<b>6.411.796.000</b>	<b>4.397.799.000</b>	<b>4.397.799.000</b>
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Trung Nghĩa thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xã Trung Nghĩa	559,11 ha	2022-2023	QĐ số 1523//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	1.997.440.000	1.997.440.000	1.997.440.000	1.997.440.000	1.380.745.000	1.380.745.000
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Liên Phương thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xã Liên Phương	578,12 ha	2022-2023	QĐ số 1521//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.270.667.000	2.270.667.000	2.270.667.000	2.270.667.000	1.565.153.000	1.565.153.000
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xã Bảo Khê	418,82 ha	2022-2023	QĐ số 1520//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.143.689.000	2.143.689.000	2.143.689.000	2.143.689.000	1.451.901.000	1.451.901.000
<b>II</b>	<b>UBND xã Quảng Châu</b>					<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>	<b>2.469.562.000</b>	<b>1.434.707.000</b>	<b>1.434.707.000</b>
1	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để thực hiện: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Quảng Châu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	UBND xã Quảng Châu	835 ha	2022-2023	QĐ số 1524//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.469.562.000	2.469.562.000	2.469.562.000	2.469.562.000	1.434.707.000	1.434.707.000
<b>III</b>	<b>UBND xã Phương Chiểu</b>					<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>	<b>2.072.326.000</b>	<b>1.384.968.000</b>	<b>1.384.968.000</b>

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch năm 2023		Thực hiện Quý IV		
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất
						Tổng số	NSTP				
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiêu để thực hiện: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Phương Chiêu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	UBND xã Phương Chiêu	254 ha	2022-2023	QĐ số 1522//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.072.326.000	2.072.326.000	2.072.326.000	2.072.326.000	1.384.968.000	1.384.968.000
B	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội							3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
C	Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách							300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
1	Quỹ hỗ trợ nông dân							300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000

